

Số: 408/BC-BCĐ

Krông Pa, ngày 15 tháng 12 năm 2020

☐ **BÁO CÁO CÔNG TÁC AN TOÀN THỰC PHẨM**
☐ Báo cáo 6 tháng ☒ Báo cáo năm

I. Hành chính

1. Tên huyện: HUYỆN KRÔNG PA

- Dân số: 88.263 nhân khẩu.
- Diện tích: 1.628 km²
- Số xã, thị trấn: 14

2. Thống kê nguồn lực quản lý ATTP tuyến huyện:

- 1. Tên đơn vị báo cáo:** Phòng Y tế huyện Krông Pa.
- 2. Địa chỉ:** 45 Trần Hưng Đạo, thị trấn Phú Túc, Krông Pa, Gia Lai.
- 3. Cán bộ, nhân viên:**

(a) Tổng số cán bộ, nhân viên: 02 người

(b) Phân loại

Cán bộ	Số lượng (người)
(1) Chuyên trách	
(2) Kiêm nhiệm	
(3) Quản lý	01
(4) Chuyên môn / kỹ thuật	01
(5) Khác	

(c) Trình độ học vấn

Trình độ	Số lượng (người)
(1) Sau đại học	
(2) Đại học	02
(3) Cao đẳng, trung cấp	
(4) Khác	

4. Thiết bị văn phòng cả bộ phận được phân công nhiệm vụ bảo đảm ATTP

(1) Máy tính	không
--------------	-------

5. Năng lực kiểm nghiệm

Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Số lượng
(1) Xét nghiệm chỉ tiêu hóa lý (chỉ tiêu)	0
(2) Xét nghiệm chỉ tiêu vi sinh (chỉ tiêu)	0

3. Thông tin số cơ sở thực phẩm:

TT	Nội dung	Tuyến huyện		
		Tổng số cơ sở trên địa bàn huyện	Số cơ sở thuộc quản lý của UBND huyện	Số cơ sở có GCN đủ điều kiện/tổng số cơ sở phải cấp GCN do UBND huyện quản lý
1	Cơ sở sản xuất thực phẩm (bao gồm cả cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh)	10	0	
2	Cơ sở kinh doanh thực phẩm (tạp hóa)	46	46	
3	Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống	156	152	49/152
4	Cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố	132	132	
	Tổng	344	434	49/152

II. Công tác bảo đảm an toàn thực phẩm

1. Quản lý, chỉ đạo:

TT	Nội dung hoạt động	Tuyến huyện	
		Số lượng	Ghi chú
1	BCĐLNATTP xã, thị trấn do Chủ tịch UBND làm Trưởng ban	14	
2	Họp BCĐLNATTP	01	
3	Hội nghị triển khai, tổng kết của BCĐ	0	

2. Hoạt động thông tin, truyền thông

TT	Tên hoạt động/hình thức	Tuyến huyện	
		Số lượng	Ghi chú
1	Nói chuyện/hội thảo	0	
2	Tập huấn (lớp/tổng số người dự)	0	
3	Phát thanh loa, đài (tin/bài/phóng sự)	2.145 lượt	
4	Truyền hình (buổi/tọa đàm/phóng sự)	0	
5	Báo viết (tin/bài/phóng sự)	4	
6	Băng rôn, khẩu hiệu	29	
7	Tranh/áp phích/Poster	0	
8	Tờ gấp/tờ rơi	0	
9	Tài liệu khác	0	

3. Hoạt động thanh tra, kiểm tra:

3.1. Số lượng đoàn thanh tra, kiểm tra tuyến huyện: 04

3.2. Số cơ sở được thanh tra, kiểm tra (cơ sở): 173

3.3. Kết quả chi tiết:

TT	Nội dung	Tuyến huyện				
		SX thực phẩm	KD thực phẩm	KD dịch vụ ăn uống	KD thức ăn đường phố	Cộng
1	Tổng số cơ sở	6	33	134		173
2	Cơ sở được thanh tra, kiểm tra					
2.1	Đạt (số cơ sở/ %)					
2.2	Vi phạm (số cơ sở/ %)		23,52			20
3	Xử lý vi phạm					
3.1	Phạt tiền					
	- Số cơ sở		08			08
	- Tiền phạt (đồng)		2.850.000			
3.2	Xử phạt bổ sung					
	- Tước quyền sử dụng GCN cơ sở đủ điều kiện ATTP					
	- Đình chỉ hoạt động					
	- Tịch thu tang vật					
3.3	Khắc phục hậu quả (loại, trọng lượng)					
	- Buộc thu hồi					
	- Buộc tiêu hủy		x			
	- Khác (ghi rõ)					
4	Xử lý khác					
4.1	Thu hồi GCN cơ sở đủ điều kiện ATTP					
4.2	Chuyển cơ quan điều tra					

4. Kiểm nghiệm thực phẩm

TT	Nội dung	Tuyến huyện
1	Xét nghiệm tại labo (tổng số mẫu)	0
1.1	Hóa lý (tổng số)	
	- Đạt (số mẫu/ %)	

	- Không đạt (số mẫu/ %)	
1.2	Vi sinh	
	- Đạt (số mẫu/ %)	
	- Không đạt (số mẫu/ %)	
2	Xét nghiệm nhanh	0
2.1	Hóa lý (tổng số)	
	- Đạt (số mẫu/ %)	
	- Không đạt (số mẫu/ %)	
2.2	Vi sinh	
	- Đạt (số mẫu/ %)	
	- Không đạt (số mẫu/ %)	
	Tổng (1+2)	0

5. Ngộ độc thực phẩm

TT	Nội dung	Kết quả		So sánh (số lượng/ %)
		Năm 2020	Năm 2019	
1	Số vụ (vụ)	0	0	Đạt 100%
2	Số mắc (người)	0	0	Đạt 100%
3	Số tử vong	0	0	Đạt 100%
4	Vụ NĐTP lớn (≥ 30 người/vụ)	0	0	Đạt 100%
5	Nguyên nhân			
	- Vi sinh			
	- Hóa học			
	- Độc tố tự nhiên			
	- Không xác định			

6. Kinh phí triển khai hoạt động về an toàn thực phẩm

TT	Nguồn kinh phí	Số lượng (triệu đồng)	Ghi chú
1	Ngân sách từ chương trình mục tiêu y tế – dân số	7.500.000	
2	Ngân sách từ địa phương	17.000.000	
3	Nguồn kinh phí khác		
	Tổng cộng	24.500.000	

III. Đánh giá chung

1. Ưu điểm:

Được sự quan tâm chỉ đạo của UBND tỉnh, cơ quan thường trực Sở Y tế (Chi cục ATTP tỉnh) đã chỉ đạo sâu sát về chuyên môn, đồng thời với sự chỉ đạo của Huyện ủy và UBND huyện nên chương trình vệ sinh an toàn thực phẩm triển khai thuận lợi như:

- Đối với các ban, ngành trong huyện, đặc biệt là các thành viên Ban Chỉ đạo liên ngành ATTP huyện đã quan tâm chú trọng đến hoạt động đảm bảo ATTP, phối hợp chặt chẽ với ngành y tế trong công tác triển khai các hoạt động của chương trình ATTP đặc biệt là trong công tác tuyên truyền và thanh, kiểm tra.

- Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã thay đổi được nhận thức trong công tác bảo đảm ATTP: thường xuyên sắp xếp, bố trí thực phẩm gọn gàng, kiểm tra nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, luôn quan tâm theo dõi chất lượng thực phẩm. Chấp hành tốt các quy định của Nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Đối với người tiêu dùng: ý thức về lựa chọn thực phẩm an toàn ngày càng được nâng cao, lựa chọn thực phẩm có nhãn mác, nguồn gốc xuất xứ để sử dụng, không sử dụng những thực phẩm không đạt chất lượng khi có thông báo của cơ quan chức năng.

2. Tồn tại, hạn chế:

- Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm nhiều, địa bàn rộng nhưng lực lượng cán bộ chuyên trách ATTP tuyến huyện mỏng, ít kinh nghiệm (chủ yếu kiêm nhiệm) nên không đủ thời gian tham gia kiểm tra, giám sát hết các cơ sở trên địa bàn huyện. Vì vậy chỉ tập trung kiểm tra theo kế hoạch, đột xuất, chuyên đề hay theo phản ánh của người dân.

III. Đề xuất, kiến nghị:

Đề nghị cấp bổ sung kinh phí hoạt động cho Chương trình an toàn thực phẩm cho Ban chỉ đạo ATTP huyện.

Trên đây là báo cáo Công tác đảm bảo an toàn thực phẩm năm 2020 của Ban Chỉ đạo liên ngành an toàn thực phẩm huyện. 

Nơi nhận:

- Chi cục VSATTP tỉnh;
- TT Huyện Ủy (b/c);
- UBND huyện (b/c);
- Lưu VT-PYT.

TM. BAN CHỈ ĐẠO
PHÓ BAN CHỈ ĐẠO



PHÓ CHỦ TỊCH
Ksor Tin